

CHÍNH PHỦ
Số: 40/CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 19 tháng 5 năm 1994

NGHỊ ĐỊNH

Ban hành quy chế đặt phòng đại diện doanh nghiệp Việt Nam ở nước ngoài

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp Việt Nam mở rộng hoạt động kinh tế - thương mại với các bạn hàng ở nước ngoài;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thương mại;

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. - Ban hành kèm theo Nghị định này bản Quy chế đặt Văn phòng đại diện doanh nghiệp Việt Nam ở nước ngoài.

Điều 2. - Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 3. - Bộ trưởng Bộ Thương mại, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

QUY CHẾ

ĐẶT VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI

(Ban hành kèm theo Nghị định số 40-CP ngày 19-5-1994).

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. - Các doanh nghiệp Việt Nam thuộc mọi thành phần kinh tế, không phân biệt ngành nghề kinh doanh và cấp quản lý nếu có đủ điều kiện quy định tại Quy chế này đều được xét

cho phép đặt Văn phòng đại diện ở nước ngoài.

Điều 2. - Văn phòng đại diện doanh nghiệp Việt Nam ở nước ngoài (dưới đây gọi tắt là Văn phòng đại diện) là bộ phận của doanh nghiệp, thay mặt doanh nghiệp thực hiện các mối quan hệ kinh tế, thương mại với các bạn hàng ở ngoài nước.

Điều 3. - Văn phòng đại diện không thuộc bộ máy tổ chức của Cơ quan đại diện nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, nhưng phải chịu sự quản lý hành chính Nhà nước của cơ quan Đại diện Việt Nam tại nước tiếp nhận đặt văn phòng đại diện (dưới đây gọi tắt là nước tiếp nhận).

Điều 4. - Bộ trưởng Bộ Thương mại chịu trách nhiệm xét cấp, ra hạn, thu hồi hoặc huỷ bỏ giấy phép đặt Văn phòng đại diện ở nước ngoài và tổ chức quản lý, kiểm tra hoạt động của các Văn phòng đại diện theo quy chế này.

CHƯƠNG II

ĐIỀU KIỆN VÀ THỦ TỤC XÉT CẤP GIẤY PHÉP ĐẶT VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN.

Điều 5. - Điều kiện để doanh nghiệp được cấp giấy phép đặt Văn phòng đại diện:

1. Doanh nghiệp được thành lập và đăng ký hoạt động theo đúng pháp luật;
2. Doanh nghiệp có nhu cầu đặt Văn phòng đại diện để thực hiện quan hệ kinh tế, thương mại với các bạn hàng ở nước tiếp nhận;
3. Doanh nghiệp có nguồn kinh phí bảo đảm cho hoạt động của Văn phòng đại diện.

Điều 6. - Những doanh nghiệp có đủ điều kiện tại Điều 5 Quy chế này nhưng xét thấy việc đặt riêng Văn phòng đại diện không có hiệu quả thì có thể thoả thuận với nhau để đề nghị Bộ Thương mại cho đặt một Văn phòng đại diện chung cho nhiều doanh nghiệp ở nước ngoài. Cơ quan và viên chức, nhân viên Cơ quan đại diện nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài không được thực hiện nhiệm vụ của Văn phòng đại diện dưới bất cứ hình thức nào.

Điều 7. - Giám đốc doanh nghiệp có Văn phòng đại diện ở nước ngoài quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm và triệu hồi người phụ trách và nhân viên Văn phòng đại diện của doanh nghiệp ở nước ngoài phù hợp với những quy định của Nhà nước về việc cử cán bộ đi công tác có thời hạn ở nước ngoài.

Trường hợp cần thiết, Văn phòng đại diện có thể tuyển dụng hoặc thuê nhân viên giúp việc là người nước ngoài theo điều kiện do hai bên thoả thuận phù hợp với pháp luật Việt Nam và pháp luật nước sở tại.

Điều 8. - Hồ sơ xin đặt Văn phòng đại diện doanh nghiệp ở nước ngoài gửi Bộ Thương mại gồm có:

1. Văn bản đề nghị của Giám đốc doanh nghiệp ghi rõ mục đích, yêu cầu, nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện, thời gian và địa điểm... đặt Văn phòng đại diện.
2. Bản sao có công chứng giấy phép thành lập, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của doanh nghiệp theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.
3. Các văn bản chứng minh doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện quy định tại các Khoản 2 và 3 Điều 5 của Quy chế này.

Đối với các doanh nghiệp Nhà nước, ngoài các văn bản nêu trên còn phải nộp thêm văn bản của cơ quan thành lập doanh nghiệp (Bộ hoặc Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố) chấp thuận cho doanh nghiệp đặt Văn phòng đại diện ở nước ngoài.

Điều 9. - Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Thương mại phải có văn bản trả lời doanh nghiệp về việc cho phép hoặc không cho phép doanh nghiệp được đặt Văn phòng đại diện ở nước ngoài.

Điều 10. - Trong thời hạn 6 tháng, kể từ ngày Bộ Thương mại cấp giấy phép, doanh nghiệp phải hoàn thành việc đặt Văn phòng đại diện và có văn bản báo cáo Bộ Thương mại biết. Quá thời hạn này, nếu doanh nghiệp không đặt được Văn phòng đại diện và không được Bộ Thương mại gia hạn thêm (tối đa là 6 tháng nữa) thì Bộ Thương mại phải thu hồi giấy phép.

CHƯƠNG III

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ CỦA DOANH NGHIỆP CÓ VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN.

Điều 11. - Nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng đại diện:

1. Đại diện quyền lợi của doanh nghiệp và làm đầu mối giao dịch về các quan hệ kinh tế, thương mại với các bạn hàng hữu quan ở nước ngoài trong khuôn khổ pháp luật Việt Nam và pháp luật nước tiếp nhận.